

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2022/DS-ST**
Ngày: 08-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân

Ông Lê Văn Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Thế Ân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 và 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 334/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị H, sinh năm 1982, cư trú tại: Tổ 9, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H: Luật sư Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; thuộc Công ty Luật TNHH RISK FREE, Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1981 và anh Thái Văn M, sinh năm 1973, cùng cư trú tại: Tổ 15, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Cao Thị H trình bày:

Chị và chị D có quan hệ hàng xóm quen biết, chị D làm nghề bán hủ tiếu và chơi hụi. Chị và chị D có quan hệ vay mượn, chơi hụi, mượn tiền giùm từ đầu năm 2020.

Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng ghi ngày 15-3-2021, là tiền chị mượn của chị Lê Thị Thu V giùm chị D để trả tiền ngân hàng, chị D năn nỉ đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị giữ làm tin, chị mới mượn tiền giùm chị D.

Đối với khoản nợ 750.000.000 đồng ghi ngày 10-4-2021, gồm các khoản tiền nợ chị D mượn nhiều lần, cộng dồn là 200.000.000 đồng; tiền mua bán 60 phần hụi ngày trị giá 200.000.000 đồng; tiền chị D nói mượn giùm người khác là 200.000.000 đồng; tiền chị D mượn để lo làm thủ tục giấy tờ thuê đất khu PC là 150.000.000 đồng. Do chị D mượn nhiều khoản nợ khác nhau nên chị yêu cầu chị D chốt nợ. Giấy nợ ghi ngày 10-4-2021 là do chị D ký. Do chốt nợ 750.000.000 đồng nên các giấy nợ trước đó, chị không còn lưu giữ.

Đối với khoản nợ 110 triệu đồng ghi ngày 25-4-2021, chị D mượn tiền để mua đất của người em chồng tên Thái Văn B, chị D năn nỉ giao thêm 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa cho chị giữ nên chị mới cho mượn.

Chị cho chị D vay tiền nhiều lần với số tiền lớn vì gia đình chị D có uy tín ở địa phương, chồng chị là anh Thái Văn M là Trưởng ấp G, xã N. Chị D còn nói rằng được mẹ cho phần đất 30m mặt tiền đường, giá 1.000.000.000 đồng, chị nói bán đất để lấy tiền trả nợ. Từ chỗ thấy gia đình chị có uy tín, vợ chồng chị D cũng có tài sản nên chị mới cho mượn số tiền lớn như vậy.

Các giấy ghi nợ chỉ có chị D ký tên nhưng các khoản tiền chị D mượn là để chị D làm ăn, lo cho đời sống chung của gia đình, dùng uy tín của vợ chồng để đảm bảo trả nợ.

Chị có đòi tiền chị D nhiều lần nhưng chị D hẹn lần lượt. Ngày 25-9-2021, chị D vỡ nợ, đã năn nỉ chị lấy lại các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng trả cho chị. Sau đó, chị mới biết chị D làm thủ tục sang tên cho chị ruột của chị D. Khoảng hơn 01 tháng sau, chị D và anh M có kêu chị đến nhà để tính tiền trả, vợ chồng anh chị đều đồng ý trả cho chị 1.160.000.000 đồng.

Ban đầu cho vay có thỏa thuận tiền lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng trong khoản 750.000.000 đồng chốt ngày 10-4-2021, chị D chỉ trả tiền lãi cho chị được khoảng một hai tháng thì ngưng. Các khoản nợ khác không có thỏa thuận tiền lãi, chị D cứ hứa với chị là bán đất rồi trả tiền một lần nên chị cũng tin tưởng cho chị D mượn tiền hết lần này đến lần khác.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị D và anh M liên đới trả cho chị 1.160.000.000 đồng, để tạo điều kiện cho chị D trả nợ, chị không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn – chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Chị tên đầy đủ là Nguyễn Ngọc D, số căn cước công dân là 072181004292, do Cục trưởng Cục cảnh sát về quản lý trật tự xã hội cấp ngày 28-06-2021. Từ trước đến nay chị chỉ sử dụng đúng tên là Nguyễn Ngọc D.

Chị và chị Cao Thị H từ trước đến nay có quan hệ vay mượn nhiều năm, nhưng không nhớ bắt đầu từ năm nào.

Ban đầu chị H cho chị mượn 20.000.000 đồng, lãi suất 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, tiền lãi là 800.000 đồng/tháng. Sau đó chị không đóng lãi được nữa thì chị H chuyển sang tiền lãi ngày, tính theo lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày sau đó lên 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị H có chốt nợ cho chị, nhưng chị H tính tiền lãi cộng dồn vào thành tiền gốc, do có ngày chị đóng lãi, có ngày thì chị nợ lại vì không có đủ tiền để trả tiền lãi đủ cho chị H.

Tiền gốc 20.000.000 đồng, chị chưa trả nhưng thực tế tiền lãi chị góp cho chị H đã nhiều hơn tiền gốc rất nhiều.

Chị có chốt nợ với chị H 03 lần là 300.000.000 đồng, 750.000.000 đồng và 110.000.000 đồng. Đối với khoản nợ 750.000.000 đồng là các khoản nợ chị H tự cộng gồm: tiền chị mượn chị H 20.000.000 đồng tiền gốc ban đầu, sau đó cộng dồn nợ lãi thành tiền gốc, chị H nói là 200.000.000 đồng; tiền mua bán hụi 200.000.000 đồng, thực tế mỗi ngày chị đều đóng hụi khấu trừ tiền lời cho chị H và các khoản nợ khác, chị không nhớ hết. Chị đã trả tiền cho chị H, chị còn nợ lại tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Khoản nợ 300.000.000 đồng và 110.000.000 đồng thì thực tế chị có mượn của chị H, chị thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị H mới cho chị mượn tiền. Sau đó, chị vay tiền đã trả cho chị D 410.000.000 đồng để chuộc lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chữ ký “d” trong các giấy nợ ngày 15-3-2021; 10-4-2021; 25-4-2021 không phải do chị ký, do chị H tự ghi và tự ký.

Khi mượn tiền chị D thì chị nói mượn giùm người này người kia và làm thủ tục giấy tờ nhưng thực chất là mượn tiền chị H để đóng hụi chết, đóng tiền lãi, trả nợ người khác. Việc chị chơi hụi thì anh M có biết nhưng không biết cụ thể. Việc chị mượn tiền chị H thì chị không nói cho anh M biết.

Vợ chồng chị có 02 con nhỏ đi học, chị bán hủ tiêu thu nhập khoảng 150.000 đồng đến 200.000 đồng, anh M thì lo công việc của địa phương, thỉnh thoảng chạy

máy kéo thuê cho người khác, thu nhập chung của vợ chồng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Chị góp hụi, xoay vốn lo cho gia đình nhưng do thiếu hụt, chị mượn nhiều người, trả tiền lãi nhiều dẫn đến nợ nần, vỡ nợ.

Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H, hiện tại chị không còn nợ tiền chị H.

Bị đơn – anh Thái Văn M trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị D.

Anh không biết việc nợ nần giữa chị H và chị D, chị D mượn số tiền lớn không phải để lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, anh không đồng ý cùng chị D liên đới trả nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện có đủ căn cứ chứng minh giữa chị H và chị D có chót nợ 03 lần và chị D có ký nhận trong giấy vay tiền ngày 10-4-2021, số tiền: 750.000.000 đồng (ký hiệu A1); ngày 25-4-2021, số tiền: 110.000.000 đồng (ký hiệu A3). Riêng giấy vay tiền ngày 15-3-2021, số tiền: 300.000.000 đồng (ký hiệu A2), dù không có cơ sở kết luận do chị D ký nhưng chị D đã xác nhận có chót nợ, nên có căn cứ là chị D còn nợ chị H số tiền vay 300.000.000 đồng này. Chị D trình bày đã trả tiền cho chị H nhưng không đưa ra được chứng cứ về việc trả nợ, các giấy nợ chị D vẫn giữ, việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi trả lại để xóa nợ.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H đối với chị Nguyễn Ngọc D và anh Thái Văn M. Buộc chị Nguyễn Ngọc D và anh Thái Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Cao Thị H số tiền nợ gốc: 1.160.000.000 đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu tính tiền nợ lãi.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 161 buộc chị Nguyễn Ngọc D và anh Thái Văn M phải chịu theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H đối với anh Thái Văn M và chị Nguyễn Ngọc D; buộc anh M và chị D

có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Cao 1.160.000.000 đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị H khởi kiện chị Nguyễn Ngọc D và anh Thái Văn M, cư trú tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1.160.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Chị H và chị D đều trình bày có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần. Chị H xuất trình 03 giấy nợ ghi ngày 15-3-2021 cho vay 300.000.000 đồng; giấy nợ ghi ngày 10-4-2021 cho vay 750.000.000 đồng; giấy nợ ghi ngày 25-4-2021 cho vay 110.000.000 đồng.

Chị D không thừa nhận chữ ký “d” trên các giấy nợ nêu trên là do chị ký ra. Tuy nhiên tại Kết luận giám định số: 211/KL-KTHS ngày 15-9-2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện chữ ký “d” trên giấy nợ ghi ngày 25-4-2021 và giấy nợ ghi ngày 10-4-2021 so với các mẫu so sánh chữ ký của chị D là do cùng một người ký ra.

Đối với chữ ký “d” trên giấy nợ ghi ngày 15-3-2021 so với các mẫu so sánh chữ ký của chị D thì không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D đã thừa nhận có lần mượn tiền chị H 300.000.000 đồng, chị D giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tin và có việc chị H giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị D theo nội dung của giấy nợ ghi ngày 15-3-2021, phù hợp với lời trình bày của chị H.

Do đó, đủ cơ sở xác định các hợp đồng vay tài sản theo 03 giấy nợ mà chị H xuất trình là có thật.

[3] Xét lời trình bày của chị D cho rằng đã trả nợ cho chị H số tiền 410.000.000 đồng và khoản 750.000.000 đồng chốt nợ chỉ là cộng dồn nợ lãi thành nợ gốc nhưng chị D không tường trình được quá trình cộng dồn nợ lãi như thế nào, từ số tiền gốc ban đầu là bao nhiêu, bắt đầu từ thời gian nào và không chứng minh được đã trả tiền cho chị H; đã trả nợ nhưng các giấy ghi nợ chị H vẫn giữ là không

phù hợp. Việc giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không ghi nội dung đã xóa nợ nên không đủ căn cứ chứng minh chị D đã trả tiền cho chị H.

Từ những phân tích trên xác định được chị D còn nợ chị H số tiền tổng cộng là 1.160.000.000 đồng.

[4] Chị H không yêu cầu trả tiền lãi nên cần ghi nhận.

[5] Về yêu cầu anh M có nghĩa vụ cùng chị H liên đới trả nợ thì thấy rằng:

Anh M và chị D là vợ chồng hợp pháp, các khoản nợ theo các giấy nợ nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Anh M và chị D đều xác định người quán xuyến tài chính gia đình là chị D; còn anh M là Trưởng ấp lo các công việc của địa phương. Tổng thu nhập của anh chị khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng nhưng phải nuôi các cháu đi học, lo các khoản chi tiêu khác nhau. Việc chị D chơi hụi thì anh M có biết nhưng không biết cụ thể là các dây hụi nào, chơi của ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D thừa nhận mượn tiền chị H là để đóng hụi chết, trả tiền người khác.

Tại phiên tòa, chị D thừa nhận việc chơi hụi là để tạo thêm khoản thu cho gia đình, xoay tiền vốn để chi tiêu lo cho con cái ăn học, sinh hoạt gia đình nhưng do chị mượn tiền nhiều người, trả tiền lãi nhiều dẫn đến nợ nần, phải mượn người này trả người kia; chị không có tham gia các tệ nạn xã hội, không mượn tiền giùm người khác.

Như vậy khoản tiền chị D mượn chị H là nhằm để góp hụi chết, trả tiền nợ chung xuất phát từ việc xoay vốn cho gia đình, tạo nguồn thu nhập lo chi phí sinh hoạt và học tập của các con chung.

Do đó, cần xác định các khoản nợ chị D mượn chị H là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cần chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh M có nghĩa vụ liên đới cùng chị D trả nợ cho chị H.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị D, anh M phải chịu chi phí giám định là 5.050.000 đồng. Chị H đã tạm ứng nên anh M, chị D phải trả lại cho chị H 5.050.000 đồng.

[8] Về án phí:

- Chị H không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chị D, anh M cùng phải chịu tiền án phí là 46.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H đối với chị Nguyễn Ngọc D, anh Thái Văn M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Ngọc D, anh Thái Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Cao Thị H 1.160.000.000 (một tỷ, một trăm sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Anh M, chị D phải chịu chi phí giám định là 5.050.000 (năm triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng, anh M, chị D hoàn trả cho chị H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị H 23.400.000 (hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0017011 ngày 14-12-2021.

Chị Nguyễn Ngọc D, anh Thái Văn M có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí là 46.800.000 (bốn mươi sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng.

3. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Bảo Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hân

Nguyễn Trung Sâm

Lưu Ánh Nguyệt